

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2023/HS-ST

Ngày 28/12/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cao Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Long

Ông Lưu Đình Túy

- Thư ký phiên toà: Bà Lại Thị Minh Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên toà:

Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/2023/HSST ngày 14/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST- HS ngày 13/12/2023, đối với:

Bị cáo: Phạm Trường S, sinh ngày 24/8/1981; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ B, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Trình độ học vấn: 08/12; Nghề nghiệp: lái xe; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Con ông: Phạm Nhật S1 (đã chết); Con bà: Đinh Thị T, sinh năm 1953; Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1984; có 02 con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Chưa

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1967; Trú tại: Y, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa (Đã chết)

Người đại diện hợp pháp cho gia đình ông Q: Anh Nguyễn Hữu Q1, sinh 1990; Trú tại: Khu phố L, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Sỹ L, sinh năm 1974; Trú tại: H T, Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

Người làm chứng:

Anh Nguyễn Trọng C, sinh năm 1966; Trú tại: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

Anh Lại Văn T1, sinh năm 1972; Trú tại Phố T, Phường Đ, Thành Phố T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 06 giờ 10 phút ngày 10/6/2023, Phạm Trường S, điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát 50F-022.57 đi trên Quốc lộ D theo hướng từ phố T, đi huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Khi đi đến km 25+600 Quốc lộ D thuộc địa phận thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, S điều khiển xe đi sang phần đường bên trái vượt qua một xe ô tô (loại xe 04 chỗ) đi cùng chiều phía trước (S không nhớ rõ biển số). Cùng lúc có ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1967, ở thôn Y, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa cũng điều khiển xe mô tô biển số 36B7- 649.19 đi cùng chiều phía trước chuyển hướng sang đường bên trái theo chiều xe ô tô của S. Thấy vậy, S liền phanh xe và đánh lái xe sang bên trái để tránh va chạm nhưng không kịp nên đã đâm vào xe mô tô làm ông Q bị ngã ra đường bất tỉnh. Thấy vậy S dừng xe ô tô ở lề đường bên trái, rồi xuống xe và cùng với người dân đưa ông Nguyễn Hữu Q đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Do thương tích nặng nên ông Q được gia đình chuyển ra Bệnh viện H1 điều trị, đến ngày 02 tháng 7 năm 2023 ông Q ra viện và bị chết tại nhà, (BL: từ 156-170).

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông thuộc Km 25 + 600, Quốc lộ D, thuộc thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Mặt đường rải nhựa, rộng 10,6m. Trên mặt đường để lại các vết máu, vết cà. Hội đồng khám nghiệm hiện trường thống nhất đã chọn cột điện ký hiệu LGT/DCD làm mốc, chọn mép đường bên phải, tính theo chiều huyện T đi thành phố T làm chuẩn, lấy tâm điểm mở của cây xăng đi ra tiếp giáp với mặt đường quốc lộ làm chuẩn.

* Hiện trường để lại các dấu vết, vật chứng sau:

“(1). Vết cà không liên tục, kích thước 13m 05cm x 01cm. Bờ mặt vết bám dính chất màu trắng dạng bột đá. Vết có chiều từ thành phố T đi huyện T. Đầu vết cách mép đường chuẩn là 3m30cm, cách đầu vết cà (2) là 2m15cm, cách cột điện ký hiệu LGT/DCD là 14m70cm. Cuối vết cách mép đường chuẩn là 4m05cm, đến cuối vết cà (2) là 3m30cm. Đầu vết cách tâm điểm mở cây xăng đi ra tiếp giáp đường Quốc lộ là 5m.

(2). Vết cà không liên tục kích thước 13m x 01cm, bờ mặt vết bám dính chất màu trắng dạng bột đá. Vết có chiều từ thành phố T đi huyện T. Đầu vết cách mép đường chuẩn là 3m15cm, cách đầu vết cà (1) là 2m15cm. Cuối vết cách mép đường chuẩn là 3m70cm, cách cuối vết cà (1) là 3m30cm, cách tâm vết máu là 1m15cm.

(3). Vết máu kích thước 40cm x 25cm. Vết máu đông, loang lổ. T2 vết máu đến cuối vết cà (2) là 1m15cm, đến mép đường chuẩn là 2m60cm”

Ngày 14/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã Quyết định trưng cầu giám định số 10/QĐ-TCGD, trưng cầu Phòng K Công an tỉnh T giám định dấu vết để lại trên phương tiện liên quan đến vụ vi phạm quy định điều khiển phương tiện về giao thông đường bộ. Tại Bản kết luận giám định số 2513/KL-KTHS-PC09 ngày 03/7/2023 của Phòng K kết luận:

+ *Điểm va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện: Mặt ngoài bên phải đầu xe, cách mặt trước ba - đờ - xóc trước 145cm xe ô tô biển kiểm soát 50F-022.57 (ảnh 7) với mặt ngoài tay nắm bên trái xe mô tô biển kiểm soát 36B7-649.19 (ảnh 18,19).*

+ *Tại thời điểm va chạm, xe ô tô biển kiểm soát 50F-022.57 ở phía bên trái chuyển động cùng chiều và có vận tốc lớn hơn so với xe mô tô biển kiểm soát 36B7-649.19.*

+ *Vị trí va chạm giữa hai phương tiện nằm trước đầu vết cà (1), được thể hiện trong biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường, trên chiều đường bên phải theo hướng từ thành phố T đi huyện T.*

+ *Không đủ cơ sở xác định vận tốc của hai phương tiện khi xảy ra va chạm”.*
(BL: từ 80-82)

Ngày 02/7/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ trưng cầu giám định pháp y tử thi, xác định nguyên nhân chết của ông Nguyễn Hữu Q. Tại Bản kết luận giám định số 2601/KLGĐTT-PC09 ngày 10/7/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận nguyên nhân chết: “*Tụ máu màng mềm, hoại tử não, phù não*” (BL 743-744).

Về vật chứng:

Đối với chiếc xe ô tô 50F-022.57 quá trình điều tra xác định là xe của anh Đỗ Sỹ L, sinh năm 1974 ở H T, T, thành phố B, Đắk Lắk, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại chiếc xe cho anh L.

Đối với chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 36B7-649.19 quá trình điều tra xác định là xe của ông Nguyễn Hữu Q nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại cho anh Nguyễn Hữu Q1, sinh năm 1990, nơi ở Khu phố L, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (là con trai ông Nguyễn Hữu Q) quản lý.

Về bồi thường dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo S và anh Đỗ Sỹ L (là chủ phương tiện xe ô tô 50F-022.57) đã tự nguyện bồi thường số tiền 270.000.000 đồng cho gia đình ông Q. Ông Nguyễn Hữu Q1 (con trai ông Q) là đại diện gia đình đã nhận đủ số tiền.

Tại bản cáo trạng số: 30/CT-VKS-HS ngày 13/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo Phạm Trường S về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 BLHS. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản

2 Điều 51 BLHS. Xử phạt: Phạm Trường S từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 30 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp cho bị hại.

Phản tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp. Tuy nhiên cơ quan CSĐT không kịp thời kiểm tra bị cáo có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác, xét thấy việc kiểm tra lại là không đảm bảo khách quan, không thể thu thập được. Vì vậy Tòa án căn cứ khoản 5 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 02/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BQP không trả lại hồ sơ vụ án.

[2] Về tội danh: Qua xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận: Vào khoảng 06 giờ 10 phút ngày 10/6/2023, Phạm Trường S có giấy phép lái xe hạng E; điều khiển xe ô tô khách BKS 50F-022.57 hướng đi từ thành phố T đi huyện T. Khi đi đến K+600 Quốc lộ D thuộc địa phận thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, S điều khiển xe đi sang phần đường bên trái vượt qua một xe ô tô (loại xe 04 chỗ) đi cùng chiều phía trước. Cùng lúc có ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1967, ở thôn Y, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa cũng điều khiển xe mô tô biển số 36B7- 649.19 đi cùng chiều phía trước chuyển hướng sang đường bên trái theo chiều xe ô tô của S. Thấy vậy, S liền phanh xe và đánh lái xe sang bên trái để tránh va chạm nhưng không kịp nên đã đâm vào xe mô tô làm ông Q bị ngã ra đường bất tỉnh, ông Q được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Do thương tích nặng nên ông Q được gia đình chuyển ra Bệnh viện H1 điều trị, đến ngày 02 tháng 7 năm 2023 ông Q ra viện về nhà và bị chết.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp bên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, Kết luận giám định dấu vết trên các phương tiện liên quan trong vụ tai nạn giao thông và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án; Phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa. Hành vi điều khiển xe ô tô vượt xe không đúng quy định, gây ra tai nạn chết 1 người. Do vậy hành vi của Phạm Trường S đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a, khoản 1 Điều 260 BLHS như Quyết định truy tố và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Nguyên nhân trực tiếp xảy ra tai nạn là do Phạm Trường S điều khiển phương tiện tham gia giao thông vượt xe không quan sát khi có chướng ngại vật phía trước là vi phạm khoản 2, điểm a khoản 5 Điều 14 Luật Giao thông đường bộ năm 2008; điểm a, khoản 7, Điều 5, Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28/11/2021 của Chính phủ. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ gây thiệt hại về tính mạng cho người khác và mất trật tự an toàn giao thông, do đó cần phải được xử lý nghiêm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

+ Bị cáo không có tình tiết tăng nặng

+ Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngay sau tai nạn xảy ra bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có trách nhiệm thăm hỏi, động viên và bồi thường toàn bộ theo thỏa thuận cho đại diện hợp pháp của gia đình bị hại (bị cáo bồi thường 120,000,000đ), đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa đại diện gia đình bị hại có đơn xin xử vắng mặt đề nghị giảm nhẹ và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, bố bị cáo được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, Chủ tịch Nước thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang và Chính phủ tặng Kỷ niệm chương chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù, đây đây là các tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Vì vậy giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo thành công dân tốt.

Xét thấy bị cáo phạm tội do lỗi vô ý, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà căn cứ Điều 65 BLHS cho bị cáo hưởng án treo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền nơi cư trú cũng đủ sức giáo dục cải tạo đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã bồi thường toàn bộ theo thỏa thuận cho đại diện hợp pháp

của gia đình bị hại với tổng số tiền là 270.000.000đ, gia đình bị hại đã nhận đủ tiền, nhận lại xe mô tô 36B7- 649.19, đại diện cho bị hại có đơn xin xử vắng mặt không yêu cầu và đề nghị gì thêm. Việc thoả thuận giải quyết dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Đỗ Sỹ L đã nhận lại xe ô tô biển kiểm soát 50 F 02257 có đơn xin xử vắng mặt và không có đề nghị, yêu cầu gì.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 260; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1 phần I, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Trường S phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Trường S 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo có thể bị Tòa án buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo nếu trong thời gian thử thách mà cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thoả thuận về bồi thường thiệt hại giữa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện hợp pháp cho người bị hại.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đại diện hợp pháp cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKS huyện Đông Sơn;
- Công an huyện Đông Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Văn Tuấn